

Những Cư sĩ Nổi Tiếng Trong Phật Giáo Thế Giới

Tâm Thái

---o0o---

Nguồn

<http://www.quangduc.com>

Chuyển sang ebook 30-8-2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

Link Audio Tại Website <http://www.phatphaponline.org>

Mục Lục

Cư Sĩ Phật Giáo

Duy Ma Cật

Phu nhân Thắng Man

Cư sĩ Thiên Tông

Cư sĩ Huệ Năng

Cư sĩ Bàn Uẩn

---o0o---

Cư Sĩ Phật Giáo

Hàng ngũ phật tử thường được chia là phật tử tại gia và phật tử xuất gia. Các phật tử tại gia thường được gọi là cư sĩ. Trong lịch sử đạo Phật có ghi lại chuyện một số các vị cư sĩ nổi tiếng, tuy các vị ấy không xuất gia nhưng về phương diện tu hành, thấu hiểu đạo lý thì không thua kém gì các vị đã xuất gia. Có nhiều vị cư sĩ nổi tiếng nhưng bài này chỉ xin nhắc đến ông Duy Ma Cật, bà hoàng hậu Thắng Man, cư sĩ Huệ Năng lúc chưa xuất gia và sau đó đến gia đình ông Bàn Uẩn.

---o0o---

Duy Ma Cật

Người nổi tiếng nhất là cư sĩ Duy Ma Cật, cũng có khi được gọi là Tịnh Danh, một vị trưởng giả, cùng thời với đức Phật Thích Ca, được ghi lại trong kinh Duy Ma Cật. Kinh này kể: vì nhân thấy cư sĩ Duy Ma Cật có bệnh, đức Phật chỉ định một số các đại đệ tử như Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, Đại Ca Diếp, Tu Bồ Đề, Phú Lâu Na ... cùng một số các vị Bồ Tát như Bồ Tát Di

Lặc, Đồng Tử Quang Nghiêm, Bồ Tát Trì Thế ... đi thăm cư sĩ, nhưng mỗi vị đều lần lượt từ chối, vì trước đó, mỗi vị đều đã có dịp gặp cư sĩ, và trong khi đối đáp các vị thấy cư sĩ Duy Ma Cật đã đạt tới trình độ giác ngộ cao hơn mình nhiều vì đã chỉ rõ cho từng người những sự thiếu sót trên con đường tu tập. Sau khi các vị nói trên đã từ chối thì sau cùng có Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi, người thường được coi như tượng trưng cho trí căn bản, trí vô phân biệt, bậc thượng thủ đại trí trong hàng Bồ Tát, mới dám nhận trách nhiệm đi thăm cư sĩ Duy Ma Cật. Phần chính của kinh là phần đối thoại giữa hai vị đó. Những câu đối đáp rất là thâm cao và cho chúng ta hiểu ý chính của kinh là khi nào Tâm tịnh thì Độ tịnh. Kinh cũng còn chỉ rõ là đâu cũng là đạo tràng, ở đâu cũng tu được, dù là ở nhà, chợ, ngay trong những hoàn cảnh đối nghịch, không thuận tiện, cho nên những phật tử tại gia cũng vẫn có nhiệm vụ tu tập, và vẫn có thể đắc đạo quả.

---o0o---

Phu nhân Thắng Man

Ngoài kinh Duy Ma Cật mà số đông chúng ta biết đến, còn có kinh Thắng Man cũng nói về sự thâm hiểu pháp môn của một cư sĩ, và đặc biệt là một nữ cư sĩ. Đó là phu nhân Thắng Man, con gái của vua Ba Tư Nặc, sống cùng thời với đức Phật. Kinh kể rằng sau khi bà trình bày với đức Phật về những sự hiểu biết của bà về thâm lý của Phật pháp thì được đức Phật ngợi khen là "người đối với Phật pháp thâm sâu". Ý chính của kinh là giảng về Như Lai Tạng, nhưng nhờ đó cũng biểu hiện được tinh thần của Đại Thừa về sự bình đẳng trong việc hành đạo chứng đắc giữa xuất gia và tại gia, giữa nam và nữ.

---o0o---

Cư sĩ Thiên Tông

Sau đây là chuyện về các cư sĩ của Thiên tông. Nhưng trước khi nói về các vị đó thì cũng nên nói rõ về Thiên tông vì danh từ Thiên thường được dùng để chỉ rất nhiều đường lối tu tập khác nhau trong đạo Phật nên đã đem lại nhiều sự hiểu lầm. Ngoại đạo cũng có nhiều môn Thiên, và ngay trong đạo Phật cũng có những môn Thiên khác nhau. Chữ Thiên trong bài này chỉ nói về môn Thiên Tông, là môn Thiên được truyền từ đức Phật xuống các Tổ Sư, theo một đường lối tu tập riêng biệt, khác hẳn những môn Thiên của Nguyên Thủy (Tiểu Thừa), tu theo nhân vô ngã, và Đại Thừa, coi ngã, pháp đều không. Theo nhiều tác phẩm thì Thiên Tông còn có nhiều tên khác như: Như Lai Tối Thượng Thiên, Như Lai Thanh Tịnh Thiên, Chân Như Tam Muội, Đạt Ma Thiên, Tổ Sư Thiên ... Nói vắn tắt thì Thiên Tông bao gồm

trong hai câu : "Trực chỉ nhân tâm, Kiến tánh thành Phật", tức là chỉ thẳng tâm người, thấy tánh thành Phật.

---o0o---

Cư sĩ Huệ Năng

Trước hết nên nhắc về chuyện một cư sĩ Thiền Tông đặc biệt, vì vị đó tuy sau này có xuất gia nhưng khi còn là cư sĩ vị ấy đã đắc đạo và được truyền ngôi Tổ Sư Thiền. Đó là chuyện Lục Tổ Huệ Năng (638-713) (tên Trung Hoa: Hui Neng, tên Nhật: Eno). Khi ngài đến xin làm đệ tử với Ngũ Tổ Hoàng Nhẫn thì được giao cho nhiệm vụ là bỏ củi, giã gạo. Suốt hơn 8 tháng trời tại chùa, chưa được thọ giới nên ngài chỉ làm có công việc đó, không được bước chân tới nhà trên, tức nơi các tăng tu tập. Hơn năm trăm tăng tại chùa chẳng ai để ý tới người cư sĩ ốm yếu siêng năng giã gạo. Riêng Ngũ Tổ sau mấy câu đối đáp khi Huệ Năng tới xin làm đệ tử đã sớm biết người cư sĩ đó đã có những tri kiến khác thường. Sau đó vì có ý định kiếm người để truyền y pháp cho làm Tổ thứ sáu nên ngài yêu cầu đệ tử nếu người nào thấy mình đã hiểu đạo thì làm bài kệ trình lên để ngài xét trình độ. Trên năm trăm tăng tại chùa chỉ có thầy giảng pháp là Thượng Tọa Thần Tú mới dám trình bài kệ, mà trình một cách kín đáo (coi Kinh Pháp Bảo Đàn). Sau đó thì Huệ Năng cũng trình một bài kệ 4 câu. Ngũ Tổ đọc bài kệ đó thấy ngay là người cư sĩ đó hơn ông giáo thọ rất nhiều nên đã hẹn riêng gặp và đem kinh Kim Cang ra giảng. Khi thấy Huệ Năng đã đại ngộ, Ngũ Tổ mới nói rằng : "Chẳng biết bốn tâm, học pháp vô ích, nếu biết được bốn tâm mình, thấy được bốn tánh mình, tức gọi Trượng Phu, là thầy của Trời, Người, là Phật " và truyền y bát và trao cho nhiệm vụ làm vị Tổ thứ sáu của Thiền Tông tại Trung Hoa. Sau khi nhận y bát và sống ẩn danh được 15 năm, Huệ Năng gặp ngài Ấn Tông tại chùa Pháp Tánh. Sau cuộc đối thoại, ngài Ấn Tông đã kính phục và xuống tóc cho Huệ Năng và tôn thờ Huệ Năng làm thầy. Tới lúc đó cư sĩ Huệ Năng mới chính thức thọ giới cụ túc. Trong lịch sử Thiền Tông thì Tổ Huệ Năng giữ một vai trò tối quan trọng vì đã đặt ra một nền móng vững chắc cho Thiền Tông. Điểm đáng lưu ý là khi còn là cư sĩ mà Huệ Năng đã ngộ và được chấp nhận làm tổ, cho nên chúng ta thấy rằng việc ngộ đạo hay không, không nhất thiết phải là có xuất gia rồi mới ngộ đạo được. Ngoài ra còn nhiều các cư sĩ Thiền khác nổi tiếng, nhưng trong bài này xin ngưng nơi đây và nói về cư sĩ Bàng Uẩn.

---o0o---

Cư sĩ Bàn Uẩn

Tiểu sử :

Ông Bàn Uẩn (tên Trung Hoa là P'ang Yun, theo cuốn A Man of Zen, của R.F. Sasaki, Y. Iriya và D.R. Fraser) người huyện Hành Dương, Trung Hoa, tự là Đạo Huyền (Tao-hsuan) sinh khoảng năm 740 và chết năm 808. Ông sống tại Hành Dương với vợ và hai con: một trai tên Kenh-huo, một gái tên Linh Chiếu (Ling-Chao). Tất cả gia đình tu theo Thiền Tông, và đều được coi như đã ngộ đạo hết. Sau khi đốn ngộ, ông về nhà lấy thuyền chở của cải đem đổ xuống sông, căn nhà thì cúng dường để xây chùa. ông cất một thất nhỏ để tu. Cô Linh Chiếu thường theo hầu hạ, chuyên việc chẻ tre bện sáo bán để nuôi cha. Người con trai thì lo việc trồng trọt để nuôi mẹ. Ông Bàn Uẩn thường đi nhiều nơi để tham vấn các vị thiền sư nổi danh thời đó. Theo Thiền Tông thì việc đi tham vấn là phương pháp cần thiết để học hỏi và trao đổi những kinh nghiệm tu tập, các thầy còn khuyến khích trò của mình phải đi tham vấn, chứ không có ngăn cản. Ông Bàn Uẩn đã gặp nhiều Thiền Sư nổi tiếng như Thạch Đầu, Mã Tổ, Đôn Hà và đều được các vị ấy coi như ông đã chứng đắc. Khi gặp Thạch Đầu, Ông được coi như đã giải ngộ, nhưng sau đó được gặp Mã Tổ thì ông mới thiết triệt ngộ và ở lại với Mã Tổ hơn một năm. ông có làm chừng ba trăm bài thơ về đạo và được truyền tụng rộng rãi. Ông có dịp gặp vị quan châu Vu Công (Tr. Hoa: Yu Ti) và vị này nhờ ông mà được ngộ đạo nên theo học ông cho đến khi ông chết. Nhờ vậy ông Vu Công đã ghi chép những mẫu chuyện, những bài thơ và viết cuốn "Bàn Uẩn ngữ lục" mà đã được dịch thành cuốn " A Man of Zen - The Recorded Sayings of Layman P'ang". Sau đây là vài mẫu chuyện về cuộc đời của ông:

Ông có làm bài kệ:

"Có trai không cưới - Có gái không gả -
Cả nhà chung hội họp - Đồng bàn lời vô sanh."

" Một hôm ngồi trong am, ông chợt nói:

Khó khó, mười tạ đầu mè trên cây vuốt.

Bà Uẩn đáp: Dễ dễ trên đầu trăm cỏ, ý Tổ sư.

Cô Linh Chiếu tiếp: Cũng chẳng khó, cũng chẳng dễ, đói đến thì ăn, mệt ngủ khò. "

"Ông ngồi hỏi Linh Chiếu:

"Cổ nhân nói: "Sáng sáng đầu trăm cỏ, sáng sáng ý Tổ sư là sao?"

Linh Chiếu thưa: "Lớn lớn già già thốt ra lời ấy."

Ông hỏi: "Con thế nào? "

"Sáng sáng đầu trăm cỏ, sáng sáng ý Tổ sư"

ông bèn cười."

Ông có làm bài kệ:

"Tâm như, cảnh cũng như - Không thật, cũng không hư -

Có cũng chẳng quản - Không cũng chẳng cư -

Chẳng phải hiền, thánh - Xong việc phạm phu -

Dễ lại dễ -

Tứ năm uẩn này có chân trí -

Thế giới mười phương đồng một thừa -

Pháp thân không tướng nào có nhị -

Nếu bỏ phiền não vào Bồ Đề -

Chẳng biết nơi nào có Phật địa ? "

Câu chuyện về cái chết của ông rất là đặc biệt và được truyền tụng trong nhiều tài liệu về sau.

" Sắp tịch, ông bảo Linh Chiêu ra xem mặt trời đúng Ngọ vô cho ông hay. Linh Chiêu ra xem vào thưa : "Mặt trời đã đúng Ngọ, mà có nhật thực.". Ông ra cửa xem. Linh Chiêu lên tòa của ông, ngồi kiết già chấp tay thị tịch. Ông vào xem thấy cười, nói : " Con gái ta lanh lợi quá !". ông bèn chậm lại bảy ngày sau mới tịch. Tin ông tịch đưa về nhà cho bà hay. Bà nói : " Con gái ngu si, ông già vô tri, không báo tin mà đi, sao đành vậy ?". Bà ra báo tin cho con trai đang làm ngoài đồng. Bà nói: "Long Công với Linh Chiêu đi rồi con !". Người con trai đang bừa ruộng đáp: " Dạ !". Rồi lặng thinh giây lâu bèn đứng mà tịch. Bà nói : " Thằng này sao ngu si lắm vậy!". Lo thiêu con song, bà đi từ biệt thân thuộc rồi biệt tịch. "

(Trung Hoa Chư Thiên Đức Hành Trạng, tập 1)

Câu chuyện này đối với các vị Thiên sư thì không có gì lạ lắm, vì trong các chuyện về đời các Thiên sư thường kể các vị đó khi sắp tịch đều biết trước và khi ra đi rất là tự tại, thường đều sửa soạn trước, tới khi ra đi đều ngồi kiết già, căn dặn các đệ tử xong xuôi mới tịch. Nhưng ở đây có đặc biệt là chẳng những riêng ông Bàn Uẩn, mà con gái và con trai cũng ra đi một cách rất an nhiên tự tại. Thái độ bình tĩnh của bà cũng đặc biệt không kém vậy. Cả một gia đình mà đồng ngộ đạo như vậy thì là một chuyện thật hiếm có. Người sau này nói ông đúng là một Duy Ma Cật.

---o0o---

Tu hành:

Ông Bàng Uẩn đã đi tham vấn nhiều vị thiền sư , nhưng trong đó có hai vị nổi tiếng nhất là Thạch Đầu Hy Thiên (Tr. H: Shih-T'ou Hsi-ch'ien, Nhật: Sekito Kisen) và Mã Tổ Đạo Nhất (Tr.H.: Ma-Tsu Tao-i, Nhật: Baso Doitsu). Hai vị đó nổi tiếng nhất thời đó và đều là đệ tử đời thứ hai của Lục Tổ Huệ Năng. Sau đây là phần ghi về những cuộc đối thoại :

" Ông đến yết kiến Hòa Thượng Thạch Đầu, hỏi : " Chẳng cùng muôn pháp làm bạn là người gì?"

Thạch Đầu lấy tay bịt miệng ông. ông bỗng nhiên tỉnh ngộ.

Một hôm Thạch Đầu hỏi : " Từ ngày ông thấy lão tăng đến nay, hàng ngày ông làm việc gì?". Ông thưa : " Nếu hỏi việc làm hàng ngày tức không có chỗ mở miệng".

Ông liền trình bài kệ :

Hàng ngày không việc khác

Chỉ tôi tự biết hay

Vật vật chẳng bỏ, lấy

Chỗ chỗ nào trái bầy

Đỏ tía gì làm hiệu

Núi gò bật trần ai

Thần thông cùng diệu dụng

Gánh nước, bỏ củi tài.

Thạch Đầu hứa khả, bảo : " Ông làm cư sĩ hay làm xuất gia ?".

Ông thưa : " Xin cho con theo sở nguyện, không cạo tóc xuất gia."

(Trích trong "Trung Hoa Chư Thiên Đức Hành Trang, tập 1")

Câu hỏi : " Chẳng cùng muôn pháp làm bạn là người gì ?" có ý nghĩa rất thâm sâu trong Thiền tông. Pháp đây chỉ về mọi sự vật, vật chất cùng tâm linh trong thế gian. Những phàm nhân như chúng ta, chưa phải là thánh, thì luôn ham làm bạn với muôn pháp, rất thân thiết và không lúc nào rời các pháp. Chúng ta làm thân với các pháp đến nỗi kinh điển gọi đó là "nhận giặc làm con". Chúng ta chấp đủ thứ, cảnh đến là chúng ta nhận và khởi niệm phân biệt, suy nghĩ, tính toán. Những niệm đó, do cảnh ở ngoài gây ra, tạo nên cái "tâm" mà mỗi chúng ta coi là điều quan trọng nhất trong cuộc đời. Phương pháp chính yếu của Thiền Tông là "đối cảnh không sanh tâm", cảnh đến ta không làm bạn, không chấp thì khi đó tâm sẽ không còn bị loạn động, điên đảo nữa. Đây cũng là điểm mà nhiều người hay hiểu lầm về phương pháp tu của Thiền Tông. Phần đông chúng ta, khi nói tới thiền, là chỉ nghĩ tới việc ngồi xếp chân, nhắm mắt để cố không nghĩ đến gì hết. Dĩ nhiên là một khi giữ cho tâm mình không còn nghĩ ngợi bung lung nữa, bằng cách tập trung tư tưởng, dù là tập trung tư tưởng vào việc không nghĩ gì, thì cũng

có điều tốt. Nhưng nếu cho rằng như vậy là thành công trong việc tu tập thì quả là một sự hiểu lầm. Thiền Tông cũng có cho rằng tọa thiền là cần thiết, trong bước đầu ai cũng phải qua giai đoạn đó, nhưng nếu cho rằng như vậy là cứu cánh thì không đúng. Tu thiền là trong bốn oai nghi (đi, đứng, nằm, ngồi) lúc nào cũng phải rõ vọng tâm và thấy được bản tánh của mình. Trong Kinh Pháp Bảo Đàn, Lục Tổ Huệ Năng dạy rằng : "Đạo do tâm mà ngộ, đâu phải do tọa." Thiền Tông, với phương pháp "chỉ thẳng tâm người" (trực chỉ nhân tâm) muốn chúng ta phải tự tìm hiểu cái tâm đó một cách rõ ràng. Câu chuyện về tổ Huệ Khả (Tr.H. Hui-k'o, Nhật: Eka), tức vị tổ Trung Hoa thứ hai, cho thấy phương pháp độc đáo của Thiền Tông.

"Một hôm Huệ Khả tới bạch với tổ Đạt Ma : "Bạch Hòa thượng, tâm con chẳng an, xin Hòa thượng dạy con "pháp an tâm". Tổ Đạt Ma nhìn thẳng bảo: "Đem tâm ra ta an cho". Sau một thời gian tìm tâm mà không thấy bóng dáng liền bạch Tổ: "Con tìm tâm không được". Tổ bảo " Ta đã an tâm cho ngươi rồi". Ngay đó Huệ Khả ngộ. "

Câu chuyện đó nghe qua thật là giản dị, nhưng đã chỉ rõ pháp tu rất quan trọng trong việc tu của Thiền Tông. Thiền Tông đòi hỏi mỗi chúng ta phải tự lực, sống với kinh nghiệm riêng của chính mình và tìm hiểu cái "tâm" là gì. Nếu chúng ta, thay vì lúc nào cũng hướng ngoại, chạy theo danh và tướng, bây giờ quay vào trong tìm hiểu tâm mình, và thấy được cái tâm lăng xăng, duyên theo cảnh, biến đổi từng phút, từng giây, mà Thiền Tông gọi là "vọng tâm". Lục Tổ Huệ Năng có nói rõ pháp môn của Tổ gồm có: Vô niệm, Vô tướng và Vô trụ. Lục tổ chỉ rõ Vô niệm là "Trong các niệm tướng của mình, tâm thường lià cảnh, chẳng vì đối cảnh mà sinh tâm". Như vậy khi ông Bàng Uẩn biết : " không làm bạn với muôn pháp ", tức là biết giữ cho tâm lià được cảnh, không còn chấp, chạy theo cảnh, thì khi đối cảnh, cái vọng tâm chẳng thể sinh. Câu hỏi đó chứng tỏ ông đã thấu hiểu phương pháp an tâm của Thiền Tông, nhưng ông muốn biết rõ là tới đó rồi thì đạt được gì, nên hỏi người đó là "người gì ". Hòa thượng Thạch Đầu lấy tay bịt miệng ông, và ngay đó ông ngộ. Trong bài kệ nói trên, ông trình bày rõ ràng những điều ông đã hiểu và đã thực hành. Câu "vạn vật chẳng bỏ, lấy" tức là ông chẳng còn thấy có gì để thủ, để xả. Bước đầu của đường tu, như chúng ta thường biết, là phải bỏ cái này, lấy cái kia như bỏ điều ác và làm điều thiện, bỏ vọng theo chân, bỏ tà theo chính ... Đó là giai đoạn còn dùng phương pháp đối trị, dùng cái hay để trị cái dở, nhưng tới trình độ cao hơn, lại bỏ luôn thiện, bỏ luôn chân ... Thí dụ như khi còn thấy mình sống với các điều thiện, chân, tịnh ... và coi như mình đã đắc đạo, thấy những người khác là vọng, uế, thì vẫn là còn chấp hai bên, vẫn còn có cái phân biệt, tâm vẫn còn khởi niệm, vọng tâm vẫn còn đó. Ông Bàng Uẩn biết "không cùng muôn pháp làm bạn" là ngoài không chấp cảnh, trong thì "vạn vật chẳng bỏ lấy" là trong không

còn chấp cái vọng tâm, tỏ ra ông xứng đáng được Thạch Đầu ấn chứng. Nhưng theo Thiền Tông, tới mức cao hơn nữa tức là sau khi thấy mình không còn có trí phân biệt nữa, thì phải bỏ luôn cả cái trí biết mình không phân biệt đối đãi ấy, và người này mới thật là người "không tu, không chứng" mà đức Phật nói tới trong kinh "Bốn Mười Hai Chương" (chương 11): " Cúng một trăm triệu đức Phật, không bằng cúng một vị không niệm, không trụ, không tu, không chứng" . Chúng ta nên suy nghĩ về tại sao đức Phật lại nói một người "không tu, không chứng" lại xứng đáng được cúng hơn cả một trăm triệu đức Phật.

Riêng về hai câu chót rất là đặc biệt và được truyền tụng rất nhiều :

"Thần thông cùng diệu dụng
Gánh nước, bỏ củi tài."

Hai câu đó nói rõ được sự độc đáo của Thiền Tông. Phần đông hiểu rất sai lầm về việc tu hành của Thiền Tông. Nếu ta tu Thiền và khi gặp một người nào thì câu hỏi đầu tiên của họ gần như chắc chắn là : "Tu có thấy được gì chưa ?". Quan niệm chung là tu Thiền phải có thần thông, hoặc khả năng đặc biệt nào đó. Những người tu mà bị đưa vào con đường tà đạo là tại ham thấy những phép lạ, như thấy hào quang sáng rực, thấy gặp vị nọ, vị kia, biết được những tiền kiếp hoặc tương lai của mình hay của người, biết được ý nghĩ của người khác, điều khiển được hơi thở, tim, biết bay, đi trên mặt nước ... Nếu chúng ta tin rằng những người đắc đạo là phải có những thần thông như vậy tức là không hiểu rõ đạo Phật. Ngoại đạo, nhất là tà đạo, với những phương pháp tu tập đặc biệt họ cũng có thể thực hành được những thần thông đó. Chính vì biết những ưa thích đó của số đông nên ngoại đạo, tà đạo và những người lợi dụng danh nghĩa đạo Phật đã thành công trong việc dụ dỗ những người ham có những thần thông, phép lạ. Người hiểu rõ giáo lý đạo Phật không bao giờ bị dẫn dắt lạc đường vì biết rõ rằng những thần thông, phép lạ đó không có ích lợi gì cho việc tu hành cả. Đức Phật thường nghiêm cấm các đệ tử, dù khi tu hành mà có được những thần thông nào đó thì cũng không được đem ra trình diễn hoặc phải từ bỏ đi, vì nếu đem những điều đó để khuyến dụ người ta theo, tin đạo Phật là một việc trái đạo.

Đạo Phật là đạo giác ngộ, giải thoát chứ không phải giải trí. Ngoài ra Thiền Tông quan niệm thần thông một cách rõ ràng và hợp với tôn chỉ của đạo Phật. Tổ Lâm Tế chỉ rằng bất cứ lúc nào đối sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp mà không bị dính mắc vào những thứ đó thì đó là lục thông. Người đã "không làm bạn với muôn pháp" chính là người đã không còn bị những vọng niệm lôi cuốn và như vậy mới thấy được bản thể như như, không động, của mình. Người đó mới thực là an nhiên, tự tại trong mọi hành động. ông

Bàng Uẩn đã nắm vững và hiểu rõ đường lối của Thiền Tông nên ông nói thần thông của ông là "gánh nước, bỏ củi tài". Chắc đọc tới đây nhiều người sẽ thắc mắc: nếu tu Thiền chỉ là để gánh nước, bỏ củi tài thì ai chẳng làm được, cần gì phải tu cho mất công, tu là phải có được những thần thông, biến hóa hoặc ít ra phải có vài phép lạ để làm cho thiên hạ thán phục. Câu nói của ông Bàng Uẩn không phải là một câu hài hước hoặc khiêm tốn, mà là một câu chứng tỏ ông đã thấy đúng tôn chỉ của Thiền Tông vậy. Thiền Tông nổi bật chính vì đã đi sát với đời sống thường ngày, thực tiễn, không phải là cái gì huyền bí, xa vời. Chân lý của sự vật lúc nào cũng hiện ngay trước mắt chúng ta chứ không phải ở nơi xa xăm.

Sau buổi đối thoại đó, hòa thượng Thạch Đầu ấn chứng ông Bàng Uẩn đã ngộ đạo và hỏi ông có ý định xuất gia không, nhưng ông từ chối vì chỉ muốn sống một cuộc đời cư sĩ. Sau đó là câu chuyện việc ông theo học với Mã Tổ:

" ông đến tham vấn Mã Tổ, hỏi : " Chẳng cùng muôn pháp làm bạn là người gì ?". Mã Tổ bảo : " Đợi miệng ông hút hết nước sông Giang Tây, ta sẽ nói với ông". Ngay câu nói này, ông ngộ được huyền chỉ. Ông dừng ở chỗ Mã Tổ hai năm. "

(Trích trong "Trung Hoa Chư Thiên Đức Hành Trạng, tập 1")

Ngay khi ngộ từ câu nói của Mã Tổ ông trình liền bài kệ:

" Mười phương đồng tử hội
Mỗi mỗi học vô vi
Đây là nơi tuyển Phật
"Tâm không" thi đậu về "

(Trích trong "Đại Huệ Ngữ Lục")

Tới gặp Mã Tổ, ông lại hỏi lại câu mà ông đã hỏi Thạch Đầu, nhưng lần này thay vì bị bịt miệng thì ông được trả lời. Tuy vậy đối với chúng ta, câu trả lời cũng không chỉ rõ gì hơn vì cũng khó hiểu như trước. Nhưng đối với ông thì câu trả lời đó rất quý báu vì đã giúp ông hoàn toàn ngộ đạo. Nếu muốn thấy được ý nghĩa của cuộc đối thoại đó, chúng ta nên tìm hiểu Mã Tổ hơn là suy nghĩ về câu nói đó. Sau này câu trả lời đó được dùng làm câu thoại đầu (cũng còn gọi là công án) cho nên không phải là câu để tìm hiểu.

Mã Tổ là một vị tổ giữ vai trò rất quan trọng trong lịch sử Thiền Tông, vì các đệ tử đời sau của ngài đã tạo nên những môn phái nổi tiếng. Sau đời Mã Tổ Đạo Nhất là các vị : Bá Trượng Hoài Hải (724-814), Hoàng Bá Hy Vận (?-850) và sau đó là vị tổ nổi tiếng Lâm Tế Nghĩa Huyền (?-867), vị đã lập ra dòng Lâm Tế mà cho tới nay vẫn còn tiếp tục tại Trung Hoa, Nhật Bản và Việt Nam. Ngài truyền đạo tại Giang Tây, và người thời đó coi Giang Tây như trường thi Phật nên ông Bàng Uẩn nói : "Đây là nơi tuyển Phật". Đệ tử của ngài rất đông và có tới 84 người ngộ đạo, một con số hiếm có. Câu giảng dạy nổi tiếng của Mã Tổ là "Tức Tâm Tức Phật", ngài đã giảng như sau

"Phàm người cầu pháp nên không có chỗ cầu, ngoài tâm không có Phật, ngoài Phật không có tâm, không lấy thiện chẳng bỏ ác, hai bên như sạch đều không nương cậy". Chúng ta thường chỉ thấy cái tâm duyên theo bóng dáng sáu trần, theo kinh điển gọi là "vọng tâm", chỉ khi nào chúng ta hiểu rõ cái vọng tâm đó thì mới thoát khỏi vòng sanh tử luân hồi. Mã Tổ dạy rằng "Vọng tưởng đã trừ tức là vô sanh. Pháp tánh sẵn có, có chẳng nhờ tu". Chúng ta cần hiểu rằng mỗi người đều có sẵn Chân Tâm, chứ không phải vì tu tập đắc đạo rồi mới có. Mã Tổ muốn chỉ cho chúng ta thấy Tâm đó tức là Phật, nếu đi tìm Phật ở ngoài Tâm đó là làm một điều vô ích mà các thiền sư nói là "mang Phật đi tìm Phật". Mã Tổ còn dạy "Tâm bình thường là Đạo. Sao gọi là tâm bình thường ? - Không tạo tác, không phải trái, không thủ xả, không đoạn thường, không phạm thánh".

Những bài kệ ghi trên của ông Bàn Uẩn cho thấy ông đã tu hành y theo đường lối của Mã Tổ và xứng đáng làm đệ tử đã ngộ của Mã Tổ vậy. Câu kết của bài kệ là "Tâm không, thi đậu về". Sau khi đạt Tâm Không, ông đã thi đậu ở trường tuyển Phật và trở về. Phải chăng tâm không là tâm trống rỗng, chẳng có gì hết, tro như gỗ, đá. Như vậy phải chăng là trái ngược với lời dạy của Mã Tổ "Tâm bình thường là Đạo", thì làm sao mà thi đậu ? Nhưng cần hiểu là Tâm Không có nghĩa tâm không còn những vọng tưởng, tới đó mới đúng nghĩa bình thường. Biết được "tâm không" cũng còn có nghĩa là thấy cái bản thể của vọng tâm vốn nó là không, cho nên tổ Huệ Khả đã nói với tổ Đạt Ma "Con tìm tâm không được".

Qua câu chuyện kể trên chúng ta thấy quả ông Bàn Uẩn đã chứng ngộ trọn vẹn. ông đã đi tham vấn rất nhiều thiền sư, những cuộc đối thoại với gần hai mươi vị, cùng rất nhiều bài thơ, đều có được dịch ra Anh văn trong cuốn "A Man of Zen", mà rất tiếc chưa được dịch từ Hán văn ra Việt văn. Tấm gương sáng của cư sĩ Bàn Uẩn nhắc nhở chúng ta là dù ở trường học tại gia, vì không hoặc chưa có phương tiện để xuất gia, chúng ta không nên nghĩ là sống với gia đình, phải làm ăn sinh sống thì đâu có thể tu hành gì được, thỉnh thoảng đến chùa cúng lễ, ráng tu một chút lấy phước đức là đủ rồi. Chúng ta cho rằng việc tu hành là việc của các tăng, mình đâu có phần mà tính tới. Những kinh điển Đại Thừa đã chỉ rõ là ý kiến đó không đúng. Riêng về Thiền Tông thì lại còn đánh đổ quan niệm đó một cách mạnh hơn nữa. Trong cuốn "Sáu cửa vào động Thiếu Thất" tổ Bồ Đề Đạt Ma nói thẳng : " Nếu thấy tâm mình là Phật thì không cần cắt tóc cạo râu (xuất gia), hàng áo trắng (cư sĩ) vẫn là Phật. Nếu không thấy tánh, cắt tóc cạo râu, vẫn là ngoại đạo". Nếu có đủ điều kiện thì việc xuất gia vẫn là hơn, nhưng còn tại gia thì không phải là không thể tu hành được.

Tài liệu trích dẫn :

- A Man of Zen, the recorded sayings of layman P'ang, do Ruth Fuller Sasaki, Yoshitaka Iriya và Dana R. Fraser dịch từ Hán văn.
- Kinh Duy Ma Cát.
- Kinh Thắng Man, Nhất thừa đại phương tiện.
- Kinh Pháp Bảo Đàn.
- Trung Hoa chư Thiên đức hành trõng, tập 1 của TS Thích Thanh Từ.
- Sáu cửa vào động Thiếu Thất của tổ Bồ đề Đạt ma, do Trúc Thiên dịch.
- Đại Huệ ngữ lục do TS Thích duy Lực dịch.

Xin đính kèm phụ bản gồm vài bài thơ của ông Bằng Uẩn, bằng tiếng Anh, trích từ cuốn A Man of Zen để quý vị có thêm tài liệu. Rất mong vị nào có khả năng sẽ dịch thẳng những bài thơ của ông Bằng Uẩn từ Hán văn, thay vì dịch lại bản Anh văn có thể sẽ không diễn tả hết ý được.

From the book " A Man of Zen, the Recorded Sayings of Layman P'ang"
by Ruth Fuller Sasaki, Yoshitaka Iriya and Dana R. Fraser.

SELECTED VERSES 1

1

Of a hut in the fields the elder,
I'm the poorest man on earth!
Inside the house there's not one thing;
When I open my mouth it says "empty, empty."
In the past I had bad friends-
I saved them all, made them priests;
Sitting together in harmony,
I always have them hear of the Mahayana.
At mealtimes carrying bowls for them,
I serve them one and all.

2

People have a one-scroll sutra
Without form and without name.
No man is able to unroll and read it,
And none of us can hear it.
When you are able to unroll and read it,
You enter the principle and accord with the Birthless.
Not to speak of becoming a bodhisattva,

You don't even need to become Buddha.

3

I've long dwelled in the mountains,
Having left the castle town.
My thatch house had three rooms-
Each room was twelve feet long.
In one room lived Skandhas Five,
In another lived Dusts Six-Four [Elements];²
I myself lived in the innermost room,
At ease all day with nothing to do.
Last night on the moonless twenty-fifth,³
At dusk those two got drunk drinking liquor
And started to get out of hand.
They quibbled words in various ways
Till I couldn't take any more-
So I set my house on fire.
Skandhas Five turned to ashes and embers;
Of Dusts Six, not two or one was left.
Everything I had was completely lost-
Only the bare ground remained.
Now I am stark naked,
Without clothes to cover my body.
I'm no longer troubled by thieves-
Loafing, I sleep at ease....⁴

4

White-robed, I don't adhere to appearances;
The true principle arises from Emptiness.
Because my mind's without obstruction
Wisdom goes forth to all directions.
I only consider the lion's roar-
I don't let wild jackals yap!
Bodhi is said to be most marvelous,
But I scold it for being a false name.

5

Some people despise old P'ang,
But old P'ang does not despise them.
Opening my gate, I await good friends,

But good friends do not stop by.
As is my mind's endowed with the threefold learning_ 5
Consciousness-dusts do not mix with it;6
This one pill cures the ten thousand ills-
I've no need for the many prescriptions.

6

Traveling the path is easy,
Traveling the path is easy!
Within, without, and in between I depend upon innate Wisdom:
Innate Wisdom being non-sentient, the dharmas are not born;
Birthless, I enter the true Principle.
Not form, not mind, a single radiance streams forth;
In the mind-ground appears the Udumbara tree⁷ of Emptiness

7

It is called Wisdom,
And Wisdom is the honored.
Mind and Wisdom interfusing, you penetrate the Origin,
And the ten thousand things likewise return into the Gate of Non-duality.
Existence is not existence- the Principle is always present;
Nothingness is not nothingness- Nothingness is the root of existence.
All Buddhas of the future also will be thus;
Those of today are the same as the ancient World-honored One:
Throughout the three realms⁸ there is no other Way;
What Buddha imparted to Buddha is being transmitted today.

8

Without no other, within no self.
Not wielding spear and shield, I accord with Buddha-wisdom.
Well-versed in the Buddha-way, I go the non-Way. 9
Without abandoning my ordinary man's affairs,
The conditioned¹⁰ and name-and-form all are flowers in the sky:
Nameless and formless, I leave birth-and-death.

9

I have a great robe
Not of this world's silk.
It can't be dyed by any color,
Being crystalline, like white floss.

No scissors were used to cut it,
No thread was used to stitch it.
I keep it always close about me,
But there's no man who of himself has seen it.
It shelters a Trichilial Cosmos¹¹ from heat and cold,
Covering over sentient and non-sentient alike.
Should you be able to obtain this great robe,
Having donned it, you straightaway enter the palace of the King of
Emptiness.

10
Thinking, thinking, with bowed head thinking, thinking and
unconsciously sighing,
Both his eyebrows turn toward that Surpassing Land;
He sits among the ten thousand things,
Knowing nothing at all.
If his six consciousnesses resemble his eyebrows,¹²
He will attain the miraculous.
If his six consciousnesses despise his eyebrows,
He can be said to be a brainless fool.
If he discards his eyebrows,
He'll be scorned by men of the world.
Even though he be a crafty six-consciousness fellow,
In the end he'll become just a beggar.

Notes:

1. The selections (25) that follow are representative of the style, content, and variety of P'ang best.

2. The five skandhas and six senses are personified in these two lines. The six senses are sight, hearing, smell, taste, touch, and perception. The "four" inserted after Dusts Six may simply have been added to fill out the number of characters in the line, or it may refer to the four elements, which are earth, water, fire and air.

3. The 25th day of the lunar calendar.

4. I have omitted the two lines that follow and conclude this verse. Their meaning is not clear, and the verse seems better without them.

5. Threefold learning: observing precepts (morality), meditation, and wisdom.

6. Consciousness-lusts: the cognitions of the six senses.

7. Udumbara tree: a legendary tree said to flower once every three thousand years.

8. The three realms of desire, form, and formlessness.

9. A reference to Chapter 8 of the Vimalakirti Sutra, where Vimalakirti says to Manjusri: "When a bodhisattva goes the non-Way this is called being well-versed in the Buddha-way."

10. Skt. samskrta: that which is formed through causes and always produces effects; also, whatever is produced, continues, changes, and is destroyed.

11. A thousand to the third power, i.e., a billion worlds, which are said to constitute the domain of a Buddha.

12. The word "eyebrows" from here on apparently means one's original nature.

---o0o---

Hét